TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-10-2019.
v/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Văn Minh.
2/ Bà Phan Thị Nhâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương Trinh – Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Thông Minh H, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Thôn A, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 25/6/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Thông Minh H trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị H cưới nhau vào năm 1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện H. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc và được gia đình hai bên đồng ý. Vợ chồng sống với nhau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp quan điểm sống, vợ chồng không đồng thuận dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mặc dù vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thành. Vợ chồng không còn sống chung và quan hệ tình cảm từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian không sống chung vợ chồng cũng không gặp nhau để bàn bạc hàn gắn hạnh phúc. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của anh là yêu cầu xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

** Tại bản tự khai ngày 03/7/2019 bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh Thông Minh H cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện H. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc 19 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H có người phụ nữ khác. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 03 năm nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và chị H cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Thông Kim B , sinh ngày 25/9/1998; Thông Thị Kim C, sinh ngày 05/7/2000; Thông Minh D, sinh ngày 10/10/2005. Hiện nay con tên B và C đã trưởng thành (trên 18 tuổi), có cuộc sống ổn định nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Con tên D đang sống cùng chị H .

Khi ly hôn, anh H yêu cầu giao con chung tên Thông Minh D, sinh ngày 10/10/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thông Minh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Chị H có ý kiến về việc giải quyết về con: Chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thông Minh D, sinh ngày 10/10/2005. Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà chị Nguyễn Thị H để tống đạt các văn bản tố tụng, chị H cố tình lẩn tránh, vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải nên Tòa xét xử vắng mặt đối với chị H theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị H. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Xét bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt 02 lần tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H.

[3] Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Hôn nhân của anh Thông Minh H và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận theo Trích lục kết hôn số 624/TLKH-BS ngày 12/6/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện H, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H , Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này anh H khai ra nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là không hợp quan điểm sống, vợ chồng không đồng thuận dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mặc dù vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thành. Vợ chồng không còn sống chung và quan hệ tình cảm từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian không sống chung vợ chồng cũng không gặp nhau để bàn bạc hàn

gắn hạnh phúc. Theo bản khai ngày 03/7/2019 của chị H thì chị H cũng xác định vợ chồng không sống chung 03 năm nay và nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị H cũng xin được ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh H và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thể hiện qua việc khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì chị H vắng mặt không tham dự. Mâu thuẫn vợ chồng của anh, chị không được cải thiện, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H .

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung tên Thông Kim B, sinh ngày 25/9/1998; Thông Thị Kim C, sinh ngày 05/7/2000; Thông Minh D, sinh ngày 10/10/2005. Hiện nay con tên B và C đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Con tên D đang sống cùng chị H.

Khi ly hôn, anh H yêu cầu giao con chung tên Thông Minh D, sinh ngày 10/10/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thông Minh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Theo bản khai ngày 03/7/2017 chị H có ý kiến về việc giải quyết về con: Chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thông Minh D, sinh ngày 10/10/2005. Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét ý kiến về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh H và chị H , Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay con chung tên Thông Minh D, sinh ngày 10/10/2005 đã trên 7 tuổi, nhưng Tòa án không thực hiện được việc lấy lời khai cháu D để xem xét nguyện vọng của cháu D vì cháu D đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng khi Tòa án yêu cầu chị H dẫn con đến Tòa để lấy ý kiến thì chị H không dẫn, khi Tòa án cùng chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà gặp cháu D để lấy ý kiến thì chị H và cháu D lẫn tránh, không hợp tác. Chị H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi cháu D và trong thời gian qua chị H nuôi dưỡng con tốt, việc anh H tự nguyện để cháu Hiếu cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đã thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp và không trái với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

+ Về tài sản: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Thông Minh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Thông Minh H và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thông Minh D, sinh ngày 10/10/2005 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Thông Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Thông Minh D số tiền là 600.000đ/tháng (sáu trăm nghìn đồng một tháng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đã thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Thông Minh H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Thông Minh H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Thông Minh H được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0026789 ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Anh Thông Minh H còn phải nộp 300.000đồng.

Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo của anh Thông Minh H là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (ngày 14/10/2019).

Riêng chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc.
- Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Thị Tâm